TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM- ST
Ngày: 22/02/2021.
V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn

2. B Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 51/2020/TLST- KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Tổng công ty Đ; địa chỉ: Số 72, phường B, Quận 1, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc H, chức vụ: Phó giám đốc Điện lực D (văn bản ủy quyền ngày 24/7/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH một thành viên T; địa chỉ: Thửa 59, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thùy D, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc. Vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh B; địa chỉ: 121 Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đ, phường L, thành phố Th, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng T – Giám đốc phòng giao dịch Th (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Ngày 04/8/2016, Điện lực D thừa ủy quyền của Tổng công ty Đ (đại diện bên A) ký hợp đồng mua bán điện số 16001195 với công ty TNHH Một thành viên T (đại diện bên B) về việc cung cấp điện cho mục đích sản xuất hàng nông sản sấy khô, hình thức thanh toán là chuyển khoản, thời hạn thanh toán 7 ngày kể từ ngày bên A thông báo thanh toán lần đầu. Cùng ngày 04/8/2016, công ty TNHH Một thành viên T ứng trước (ký quỹ) tiền điện 5.000.000đ do ngân hàng TMCP B thu hộ. Ngày 30/6/2017, công ty TNHH Một thành viên T ứng trước (ký quỹ) bổ sung 10.000.000đ do ngân hàng TMCP B thu hộ. Như vậy, tổng số tiền công ty TNHH Một thành viên T ứng trước là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Đến ngày 30/5/2019, Điện lực D ký lại hợp đồng mua bán điện số 19001012 với công ty TNHH Một thành viên T; nội dung về mục đích sử dụng, hình thức thanh toán và thời hạn thanh toán không đổi. Ngày 18/10/2019, Điện lực D thông báo đóng tiền điện tháng 10/2019 (từ ngày 17/9/2019 đến ngày 16/10/2019) với số tiền 37.765.837đ cho 19.059Kw điện năng tiêu thụ, tuy nhiên công ty TNHH Một thành viên T không đóng tiền điện tháng 10. Tiếp đến ngày 19/11/2019, Điện lực D thông báo đóng tiền điện tháng 11/2019 (từ ngày 17/10/2019 đến ngày 16/11/2019) với số tiền 19.545.363đ cho 10.050Kw điện năng tiêu thụ, nhưng công ty TNHH Một thành viên T cũng không đóng tiền điện tháng 11. Ngày 06/11/2019, Điện lực D ra thông báo ngừng cấp điện đối với công ty TNHH Một thành viên T. Nay Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty TNHH Một thành viên T phải trả số tiền điện còn nợ là 57.311.200đ, khấu trừ 15.000.000đ công ty TNHH Một thành viên T ứng trước, còn phải trả 42.311.200đ.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng mua bán điện năm 2016 và 2019, Bảng tính tiền ứng trước (ký quỹ) ngày 04/8/2016 và ngày 30/6/2017, giấy báo tiền điện tháng 10 và tháng 11, thông báo ngừng cấp điện, giấy ủy quyền

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 175, 179, 198, 208 và 220 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T - đại diện Ngân hàng TMCP A trình bày:

Ngày 04/8/2016 Ngân hàng có thu hộ Điện lực D số tiền 5.000.000đ do Công ty TNHH MTV T nộp ứng trước tiền điện.

Ngày 30/6/2017 Ngân hàng có thu hộ Điện lực D số tiền 10.000.000đ do Công ty TNHH MTV T nộp ứng trước tiền điện.

Như vậy Ngân hàng TMCP A đã thu hộ Điện lực D số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra ngân hàng không có ý kiến gì khác và cũng không có yêu cầu độc lập.

Đại diện nguyên đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H; đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đại diện bị đơn công ty TNHH Một thành viên T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; quyền và nghĩa vụ của các đương sự vắng mặt sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Một thành viên T trả số tiền điện nợ theo Hợp đồng mua bán điện số 19001012 ngày 30/5/2019, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo

quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Công văn trả lời số 1626/ĐKKD ngày 01/12/2020 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương thể hiện bị đơn công ty TNHH Một thành viên T có trụ sở tại : Thửa đất số 59, tờ bản đồ số E4, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên T phải trả tổng số nợ là 42.311.200đ tiền điện chưa thanh toán.

Xét thấy, giữa Tổng công ty Đ ủy quyền cho Điện lực D ký hợp đồng mua bán điện số 19001012 ngày 30/5/2019 với Công ty TNHH Một thành viên T. Theo nội dung hợp đồng hình thức thanh toán chuyển khoản, thời hạn thanh toán là 07 ngày kể từ ngày bên Điện lực D thông báo thanh toán lần đầu, hình thức thông báo nhận tin nhắn qua số điện thoại. Ngoài ra, tại phần các điều khoản chung kèm theo hợp đồng thể hiện công ty T phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền điện ghi trong hóa đơn, nếu quá thời hạn ghi trong thỏa thuận mà chưa thanh toán thì Điện lực D có quyền khấu trừ số tiền đã ứng trước, nếu số tiền đó chưa đủ thì công ty T phải thanh toán nốt số tiền còn thiếu. Hợp đồng mua bán điện đều được người có thẩm quyền của các bên ký. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Ngày 18/10/2019, Điện lực Dĩ An thông báo đóng tiền điện tháng 10/2019 với số tiền 37.765.837đ và ngày 19/11/2019, Điện lực D thông báo đóng tiền điện tháng 11/2019 với số tiền 19.545.363đ, tuy nhiên công ty TNHH Một thành viên T vẫn không đóng tiền nên Điện lực D đã ra thông báo ngừng cung cấp điện. Như vậy, tổng số tiền điện công ty TNHH Một thành viên T còn nợ là 57.311.200đ, công ty TNHH Một thành viên T đã ứng trước 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) do Ngân hàng TMCP B thu hộ, nên Điện lực D khấu trừ số tiền ứng trước, còn yêu cầu công ty TNHH Một thành viên T phải trả số tiền 42.311.200đ là có căn cứ.

Quá trình tố tụng, công ty TNHH Một thành viên T vắng mặt không lý do và không có ý kiến, xem như từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Điện lực Miền Nam.

[2.2] Do bị đơn công ty TNHH Một thành viên T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền điện 42.311.200đ chưa trả là có cơ sở chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 50, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn công ty TNHH Một thành viên T.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên T phải thanh toán cho Tổng công ty Đ số tiền nợ 42.311.200đ (bốn mươi hai triệu, ba trăm mười một nghìn, hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Một thành viên T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tổng công ty Đ không phải nộp án phí sơ thẩm, trả lại cho Tổng công ty Đ 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048871 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Phạm Thị Anh Thư